

# GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở MỸ

(Tiếp theo số 3(40) -2010)

LÊ ĐÌNH CÚC\*

## 2. Chi phí và học phí của giáo dục đại học Mỹ

Nhìn chung so với mặt bằng nền giáo dục của các nước trên thế giới thì chi phí cho giáo dục ở Mỹ không phải là thấp. Nhưng chi phí giáo dục so với những lợi ích do nền giáo dục mang lại thì không phải là cao. Cái giá trả cho sự phát triển con người, khoa học và phát triển xã hội như vậy là hợp lý. “California và Florida đầu tư nhiều tiền của để tổng giam tội phạm hơn là để giáo dục số dân ở độ tuổi học đại học của mình. Số tù nhân ở California tăng từ 19.000 (cách đây 2 thập niên) lên 150.000 hiện nay. Trong 20 năm qua tiểu bang này đã xây dựng 21 nhà tù mới, nhưng xây thêm có một viện đại học. Khoản ngân sách của Tiểu bang dành cho hệ thống giáo dục đại học - từng được xem là tốt nhất thế giới, đã giảm từ 12,5% năm 1990 xuống còn 8% năm 1997. Cũng cùng khoảng thời gian đó, ngân sách dành cho hệ thống cải tạo tăng thêm 4,5%, đạt 9,5% bằng với mức cắt giảm ngân sách dành cho giáo dục đại học”<sup>1</sup>.

Trước thực trạng ngân sách cho giáo dục đại học bị cắt giảm, chi phí và học phí tăng cao, ông Barry Munitz cựu Chủ tịch California State University tuyên bố: “Đôi với tôi, hoặc là anh đầu tư cho giáo dục đại học vào lúc này hoặc là anh phải chi tiền nhiều gấp bội về sau cho các nhà tù dành cho những người không được học hành và đi đến kết cục phạm tội.

---

\* PGS.TS. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam

<sup>1</sup> Frank, H.T. Rhodes (2009). *Tạo dựng tương lai*: Bản dịch của Hoàng Kháng Tô Diệu Lan, Lê Lưu Diệu Đức. Nxb. Văn hoá Sài Gòn, tr 327

Tiểu bang dành cho chúng ta 6.000 đôla cho mỗi sinh viên, nhưng lại cho tiêu tốn 34.000 đôla mỗi năm cho một tù nhân<sup>2</sup>.

Như vậy, việc đầu tư cho giáo dục bất cứ ở nước nào cũng là hết sức quan trọng, nhằm để tránh ngu dốt và tội phạm, giữ cho xã hội yên bình và phát triển lành mạnh. Thực tế học phí bậc đại học ở Mỹ hiện nay là rất lớn. 120.000 đôla cho bốn năm học đại học, làm nhiều người giật mình. Như vậy mỗi năm học phí là 30.000 đôla (năm học không phải là 12 tháng mà chỉ là 9 tháng).

Con số 120.000 đôla là chi phí cho 1 sinh viên, nhưng nhờ có sự linh hoạt của hệ thống đại học Mỹ mà thực tế cha mẹ các em không phải đóng góp chừng ấy. Nhờ có sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế cho những ngành, nghề mà họ cần đào tạo nhân lực, quỹ từ thiện và học bổng, là tiền lương mà sinh viên từ năm thứ hai, phần lớn các em đi làm, vừa gắn lý luận, lý thuyết được học trong nhà trường với áp dụng vào thực tế, là tiền vay ngân hàng lãi suất rất thấp dành cho sinh viên, hoặc vay của tổ chức nhà nước, công ty rồi sau khi tốt nghiệp trở lại làm việc cho cơ sở đó thì chỉ phải trả một nửa số nợ vay học tập.

Đào tạo đại học ở Mỹ là một hệ thống mở linh hoạt. Học sinh tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học có thể theo học Đại học cộng đồng (Community College) rồi mới vào đại học. Học sinh đã tốt nghiệp trung học cũng có thể đi làm hoặc liên tục (full time) hoặc làm việc theo giờ (Part time) không liên tục, tích lũy tiền lương để nộp học phí khi vào đại học. Thực tế trong hàng triệu sinh viên đại học Mỹ chỉ có 7,2% là theo học toàn bộ thời gian (hệ 4 năm) phải trả học phí ở mức 20.000 đôla một năm (lấy mốc 1999 – 2000 làm ví dụ). Có hơn 71,7% tổng số sinh viên theo học ở các cơ sở giáo dục phải nộp 8.000 đôla. Trong đó chỉ có 50,9% là học toàn bộ thời gian 4 năm với học phí 4.000 đôla. 20,8% nộp từ 4.000 đôla đến 7.000 đôla và 6,1% phải nộp từ 8.000 đôla đến dưới 20.000 đôla<sup>3</sup>.

Thực tế cho thấy, ví dụ năm học 1996 – 1997 các trường đại học hệ 2 năm và 4 năm ở Mỹ chỉ thu học phí trung bình dưới 3.000 đôla/năm. Cũng có một số ít sinh viên “con nhà giàu” ở các trường tư thục hàng đầu có thể đóng học phí cao hơn.

<sup>2</sup> Frank, H.T, Rhodes (2009). *Tạo dựng tương lai*: Bản dịch của Hoàng Kháng Tô Diệu Lan, Lê Lưu Diệu Đức. Nxb Văn hoá Sài Gòn, tr 327

<sup>3</sup> Frank .H.T, Rhodes.Std. tr. 327

Tỷ lệ trung bình là như trên, nhưng trong thực tế các cơ sở đại học thu không đồng đều<sup>4</sup>. Có những Viện Đại học như University of Illinois, ở Urbana trong năm học 1995 – 1996 đã thu 3.500 đôla/sinh viên và Viện Đại học Ohio State University thu 3.300 đôla/sinh viên. Và tổng số sinh viên của hai Viện Đại học này nhiều hơn nhiều Viện Đại học khác cộng lại.

Nhưng “tiền nào của ấy”, những viện đại học thu học phí cao là những cơ sở danh tiếng. Sinh viên theo học ở những cơ sở này, khi tốt nghiệp ra trường có cơ hội tìm được việc làm là lớn hơn các cơ sở khác, có cơ hội cạnh tranh đáng kể hơn, và mức lương cũng cao hơn. Sinh viên Viện Đại học University of Pennsylvania nhận lương cao hơn 57% với mức lương trung bình của người tốt nghiệp Trung học. Sinh viên tốt nghiệp ở Viện Đại học có lương cao hơn 20% so với mức lương của người có bằng Trung cấp<sup>5</sup>.

Ở những viện đại học danh tiếng, có chất lượng đào tạo, nghiên cứu và giảng dạy cao, có cơ sở vật chất đầy đủ: thư viện lớn, phòng thí nghiệm tối tân, nhà ở (ký túc xá) đầy đủ tiện nghi, có cơ sở hoạt động văn hoá. Nhà văn hoá sinh viên, rạp chiếu phim giá vé rẻ ưu tiên, di chuyển trong Campus bằng phương tiện cơ giới, sân vận động, bể bơi... nên học phí cao là đương nhiên. Với học phí cao, viện đại học chỉ cần tiếp nhận số sinh viên vừa đủ để bảo đảm chất lượng giảng dạy. Nộp đơn vào những viện đại học này phải là những học sinh giỏi, ưu tú ở Trung học. Tỷ lệ xét đơn là 5 hoặc 10 tuyển lấy 1 người.

Ví dụ năm 1996, Harvard tuyển 1.600 sinh viên mà có đến 18.184 hồ sơ xin tuyển và như trên đã đề cập đến là các viện đại học có kế hoạch cụ thể và có kết quả hỗ trợ cho sinh viên (cho vay lãi thấp, thu nhập làm thêm, tiền hỗ trợ của cựu sinh viên đã thành đạt ủng hộ nhà trường). Hơn 70% sinh viên Viện Đại học Cornell được nhận hỗ trợ học phí. Năm 1999 – 2000 nhà trường đã hỗ trợ 69 triệu đôla cho sinh viên nhà trường.

Cũng đã có nhiều biện pháp để giảm học phí, nhưng thực tế học phí ở Đại học Mỹ đã tăng nhiều trong những năm cuối thế kỷ XX đến nay. Tính từ 1980 – 1990 học phí đã tăng thêm 10% (tính thu nhập bình quân của một gia đình người Mỹ). Có hiện tượng đó là vì chi phí lương cho giáo viên, giá cả sách báo, tài liệu tham khảo đã tăng cao, mạng máy tính và trang thiết bị giảng dạy, thí nghiệm cũng tăng, nhất là sau khủng

<sup>4</sup> Rutgers College và State Binghamton (2010) (Mỹ) 13.000 USD/năm. Oklahoma State University (Mỹ) là khoảng 1.000 USD/năm là học phí liên kết với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. *Báo Tiền phong* Số 76 ngày 17-3.

<sup>5</sup> Erik Larson (1977) “*Why College Cost Too Much*”. Time Magazine. March 17, P45-55 .

hoảng kinh tế 2008 – 2009 và lạm phát ở nhiều nước trên thế giới. Đó là chưa nói đến sự cắt giảm ngân sách của Liên bang, là sự chậm đổi mới trong việc áp dụng công nghệ hiện đại cho giảng dạy và bao trùm tất cả là trong khi mọi hoạt động của nước Mỹ, của tất cả mọi tập đoàn kinh tế, mọi công ty và ngành nghề ở Mỹ đều phải hướng đến lợi nhuận. Trong khi triết học chỉ đạo văn hoá Mỹ là lao động và lợi nhuận, thì giáo dục, (trong đó có Đại học Mỹ) hoạt động vì trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội và đất nước không vì lợi nhuận, không thị trường hoá giáo dục. Nhưng để hoàn thành nhiệm vụ cao cả này lại phải chi phí rất cao mà bản thân các Viện Đại học Mỹ khó lòng kham nổi nếu không có sự đóng góp tài chính của sinh viên.

### **3. Bằng cấp của giáo dục Mỹ**

Ở Mỹ, Trường Trung học (High School) từ lớp 7 đến lớp 12, trong đó Sơ trung (Junior high School từ lớp 7 đến lớp 9 và Cao trung là từ lớp 9 đến lớp 12). Hết lớp 12 học sinh Trung học có bằng tốt nghiệp Tú tài. Sau khi học hết Đại học (bất cứ hệ dài hay ngắn hạn) sinh viên có bằng (trên Tú tài); BA: (Bachelor of Art); BS : (Bachelor of Science). Sau khi đã có bằng tốt nghiệp Đại học (BA hoặc BS) sinh viên học lên, thời gian 2 năm nữa sẽ được nhận bằng Master (MA hay MS) tuỳ ngành; Bằng này – Bằng Cao học (graduate studies) là điều kiện bắt buộc để sinh viên thi vào nghiên cứu sinh đào tạo Tiến sĩ (Ph. D).

Như vậy bằng MA là hết sức quan trọng cho những ai có thiên hướng học cao hơn qua con đường học, nghiên cứu. Nó chứng tỏ khả năng nghiên cứu độc lập của mình. Nó là văn bằng sau Đại học và cũng chứng tỏ khả năng chuyên nghiệp cao nhất của sinh viên. Để xác định hai khả năng này là Trường, Viện Đại học cấp hoặc cũng có thể Trường Đại học chuyên nghiệp (Professional School) cấp, đều có giá trị ngang nhau.

Thực ra đến với bằng MA, chưa đòi hỏi người nghiên cứu phải có những phát minh gì cụ thể mà nó chỉ liên quan đến một chương trình học trong thời gian một hoặc hai năm (tùy chương trình của cơ sở đào tạo). Sau các chuyên đề sinh viên phải hoàn thành một luận văn – Thesis – mà nội dung phải thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập và khả năng xử lý một vấn đề. Để thực hiện luận văn, có thể sinh viên phải hoạt động khoa học gắn với thực tế mà không nhất thiết phải lên lớp ở trường, viện đại học. Thông thường sinh viên liên hệ và học với người hướng dẫn qua phương tiện điện tử và bán thời gian là chính.

Hàng năm có gần 400.000 sinh viên nhận được bằng Thạc sĩ (MA), gắp 10 lần bằng Tiến sĩ và bằng 1/3 tổng số bằng BA – BS của Viện Đại học

Mỹ cấp. Là những sinh viên có khả năng chuyên sâu trong ngành khoa học hoặc trong ngành nghề khác nhau trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và kỹ thuật, trong quản lý xã hội và pháp luật, trong y tế cộng đồng, trong quy hoạch và phát triển ... Cũng hàng năm, nhờ sự đa dạng và phong phú của hệ thống đào tạo đại học của các viện đại học các trường đại học mà có hàng nghìn sinh viên ở các nước ngoài theo học và nhận bằng MA của Mỹ. Mô hình đào tạo và hợp tác quốc tế này mở ra khả năng to lớn và mang lại lợi ích cho sự phát triển khoa học không chỉ cho Mỹ mà còn cho nhiều nước. Bằng Thạc sĩ Mỹ là một minh chứng cho một nền giáo dục năng động, gắn khoa học với đời sống, phục vụ con người và xã hội. Với nó là cơ sở quan trọng nhất để một số trong hàng chục nghìn thạc sĩ, hàng năm có thể thi tiếp vào nghiên cứu chuyên sâu để lấy bằng Tiến sĩ (Ph. D).

Người nhận được học vị Tiến sĩ ở Mỹ rất tự hào bởi chất lượng đào tạo và đánh giá của tấm bằng Ph.D. Các Trường và Viện Đại học Mỹ cũng coi việc đào tạo Tiến sĩ là hoạt động quan trọng nhất trong nhiệm vụ và sự nghiệp giáo dục của mình bởi nó là nền tảng, là cơ sở cho nghiên cứu khoa học để phát triển đất nước và phát huy ảnh hưởng của nước Mỹ trong chiến lược Mỹ hoá toàn cầu nền văn hoá của họ. Chính đào tạo tiến sĩ là cơ bản đào tạo ra các nhà khoa học mà kiến thức và kỹ năng của họ sẽ góp phần đắc lực vào việc phát triển các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ trên mọi lĩnh vực công nghiệp, y tế, nông nghiệp thông tin, quản lý. Nó tạo ra những học giả, giáo sư của các khoa học xã hội và nhân văn và cung cấp đội ngũ giảng dạy cho các trường, các viện đại học, các viện nghiên cứu trong tương lai, không chỉ ở Mỹ mà cho nhiều nước trên thế giới.

Có tấm bằng Tiến sĩ ở Mỹ, gần như chắc chắn có việc làm, có thu nhập cao và rất nhiều người nước ngoài đã nhận được bằng Ph.D tại Mỹ. Năm 1997 có 27% là nghiên cứu sinh nước ngoài, trong đó 41% là nữ và 8% là những Tiến sĩ thuộc sắc tộc thiểu số trên thế giới.

Để nhận được văn bằng Tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải mất nhiều năm. Dĩ nhiên không phải tất cả Tiến sĩ, những người có bằng Ph.D đều được trọng dụng. Tỷ lệ thất nghiệp của các Tiến sĩ nói chung là thấp (1,4%). Trong số này các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn là cao hơn các ngành khác (32%). Cần phải nhớ rằng tỷ lệ thất nghiệp ở nước Mỹ là 5- 6% . Trong khủng hoảng kinh tế 2008, 2009, tỷ lệ thất nghiệp lên tới gần 10%. Sau khi có bằng Thạc sĩ (MA), Ph.D là điểm cao nhất của con đường nghiên cứu khoa học của sinh viên trở thành nghiên cứu sinh. Và người hướng dẫn khoa học cũng phải là những người có chức danh và uy

tín khoa học. Nghiên cứu sinh phải là những người có chuyên môn sâu và có tư duy độc lập nghiên cứu. Mỗi đề tài nghiên cứu khoa học là một luận án Tiến sĩ. Nó đòi hỏi cả nghiên cứu sinh và giáo sư hướng dẫn mất rất nhiều thời gian và công sức. Vì vậy, thực tế rất nhiều nghiên cứu sinh phải bỏ cuộc dù đã mất 2,3 năm theo đuổi. Hơn 50% những người theo học bậc này đã không thể tốt nghiệp, trong đó có nhiều luận án không thể thông qua. (!).

Thời gian này phải mất 2 hoặc 3 năm, theo học các môn học cơ sở để trang bị kiến thức cơ sở ngành mình chọn làm luận án và các môn học cơ bản để trang bị cho mình kiến thức chung về trình độ học vấn, phải có và kỹ năng nghiên cứu ngành nghiên cứu sinh lựa chọn và phải qua một kỳ thi kiểm tra trình độ. Sau thời gian đó, nếu đạt kết quả mới được nhận đề tài luận án, viết luận án và phải bảo vệ thành công luận án trước một hội đồng chuyên ngành. Lễ bảo vệ được tổ chức công khai, ai cũng có thể đến dự và phản biện.

Nghiên cứu sinh thi lấy bằng Ph.D phần lớn được hỗ trợ tài chính trong 2- 3 năm. Thực ra trong số này phần lớn đã có công ăn việc làm, có lương. Họ tham gia phụ giảng hay trợ lý nghiên cứu ở các trường và viện đại học hoặc làm trợ lý cho các đề tài khoa học, một số khác được vay không phải trả lãi từ các nguồn khác.

Năm 1997 trong số 1,64 triệu bằng tốt nghiệp Đại học (BA và BS), có 406.000 bằng Thạc sĩ (Master), nhưng chỉ có 45.876 bằng Tiến sĩ (Ph.D) do các trường và viện đại học cấp. Như vậy dễ thấy bằng Tiến sĩ không dễ đạt tới cho nhiều sinh viên.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay việc tăng số lượng bằng Ph.D không cao so với bằng Đại học. Số bằng Đại học M.B.A năm 1973 là 31.007 đến 1985 lên 67.527 nhưng bằng Tiến sĩ thì không tăng theo tỷ lệ này, ngoại trừ thời gian sau năm 1980 bằng Ph.D tăng đột ngột. Có hiện tượng này là vì thế hệ sinh viên đại học tốt nghiệp từ 1960 – 1970 đã phải gián đoạn việc học hành vì bị chính quyền Mỹ huy động vào quân đội phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Nhiều người trong số đó đã tử trận, bị thương và phục vụ trong chiến tranh không thể học tiếp. Sau khi chiến tranh kết thúc, họ mới tiếp tục công việc học tập và nghiên cứu nên cuối những năm 1970 đầu những năm 1980 mới có hàng loạt người bảo vệ luận án và nhận bằng Tiến sĩ.

Trong số bằng Tiến sĩ đã được cấp của các Trường và Viện Đại học Mỹ, phản ánh rất rõ xu hướng của thời đại và những khiếm khuyết của

giáo dục Mỹ. Xu hướng chạy theo các khoa học công nghệ, kinh doanh và tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực ứng dụng.

Những ngành này dễ có việc làm lại có thu nhập cao. Các ngành xã hội và nhân văn, văn hoá và nghệ thuật ít người theo học và nghiên cứu.

Trung bình mỗi năm có gần 6.000 bằng Tiến sĩ cho các khoa học cơ bản: Toán, Vật lý... Khoa học xã hội và nhân văn (gồm có văn, sử, triết, xã hội học, ngôn ngữ) chỉ có khoảng trên 3.000 bằng được cấp nhưng, các ngành khác là con số 1.000 cho mỗi ngành<sup>6</sup>. Tất cả các bằng Tiến sĩ này được 470 cơ sở đào tạo của các trường và viện đại học cấp. Có những ngành mới chỉ có một vài bằng được cấp vì là các ngành mới ra đời và không có người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh.

Đến nay các Trường và Viện Đại học Mỹ nhận đào tạo 41 lĩnh vực khoa học với 3.600 mã số chuyên ngành. Trong số 3.600 chuyên ngành, có 60% luận án được các Hội đồng chấm luận án đánh giá là xuất sắc và khá, còn lại là đạt yêu cầu. 60 viện đại học hàng đầu của Mỹ đã đào tạo hơn 50% số Tiến sĩ của nước Mỹ. Chính vì vậy mà rất nhiều nghiên sinh nước ngoài đã đến Mỹ làm luận án Tiến sĩ. Năm 1995 trong số 400.000 sinh viên ngoại quốc đến Mỹ học có khoảng 200.000 sinh viên đã theo học chương trình sau đại học để nhận bằng Ph.D. Các Trường và Viện Đại học Mỹ đã nhận được hơn 6 tỷ đôla mỗi năm do những nghiên cứu sinh này đóng góp qua học phí và sinh hoạt phí.

#### **4. Giáo dục Mỹ vẫn còn những vấn đề**

Một nền giáo dục được xem là ưu việt nhất thế giới, nhưng cũng đang lộ ra những mảng tối không ai ngờ đến. Qua thực tế và những cuộc điều tra ở Mỹ cho thấy còn có 25 triệu người mù chữ (tính đến năm 1975). Tất nhiên khái niệm “mù chữ” không phải là người đó không biết đọc, biết viết. Xã hội Mỹ đã từ xã hội sản xuất sang xã hội thông tin. Do đó “Mù chữ” ngày nay là khái niệm về khả năng xử lý và kỹ năng sử dụng thông tin. “Mù chữ” theo nghĩa không biết đọc biết viết là 3.000.000 người (chiếm 1% dân số nước Mỹ), con số đáng ngại. Thậm chí ở các thùng phiếu bầu cử, người ta vẫn phải bố trí người trợ giúp cử tri vì nhiều người... không biết điền vào ô phiếu bầu. Trong số 25 triệu người Mỹ “mù chữ”<sup>7</sup> này có một nửa là đã có bằng tốt nghiệp phổ thông Trung học. Như vậy hệ thống giáo dục “ưu việt nhất thế giới” này phải chịu trách nhiệm.

<sup>6</sup> W.G.Bowen and Julre Ann Sosa (1989). *Prospect For Faculty in the Arts and Science*. Princeton U. Press, chap.6

<sup>7</sup> Xem Hữu Ngọc (1995). *Hồ sơ văn hoá Mỹ*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.279

Mặc dù là Nhà nước đa sắc tộc, dù các màu da, là nước tự do, dân chủ... thậm chí đã có một Tổng thống da màu là Barack Obama, có nhiều Nghị sĩ, Bộ trưởng là người da đen và cũng không có văn bản pháp lý nào cho phép đối xử bất bình đẳng với người da màu ở bất kỳ một cơ sở giáo dục nào, nhưng thực tế thì người da màu ở Mỹ vẫn có nhiều người mù chữ, và ít được học chiếm đa số. Ngoài người da màu là người Hispanic (những người nói tiếng Tây Ban Nha). Cũng tương tự, phụ nữ Mỹ ít được học hành và nghiên cứu hơn nam giới.

Ở các viện đại học, trường đại học người Mỹ da trắng chiếm ưu thế, có người châu Á nhưng không nhiều, người da đen chiếm số lượng ít nhất trong số những người tốt nghiệp Đại học. Lên bậc cao hơn Thạc sĩ và Tiến sĩ sự chênh lệch này càng rõ nét hơn. Hiện tại người Mỹ da đen nhận được bằng Tiến sĩ (Ph.D) chỉ chiếm 4%, người Mỹ Hispanic cũng xấp xỉ 4,2% và người Mỹ gốc châu Á là 5% trong tổng số bằng Ph.D được cấp. Ngay ở bậc đại học số lượng bằng Master cũng vậy. Riêng các ngành thuộc khoa học kỹ thuật chỉ có 20% trong số bằng được cấp cho người da màu. Nữ sinh viên ở đại học chiếm đến 56% tổng số người tốt nghiệp, nhưng đến Tiến sĩ thì chỉ còn 13%. Việc được nhận bằng và bằng cấp ngày càng được đánh giá cao, được xã hội coi trọng và được lĩnh lương cao, bảo đảm công ăn việc làm. Sự chênh lệch về thu nhập khá rõ giữa người có bằng và người không có bằng, có khi cũng làm việc tương đương, trung bình 680 đôla/ tuần so với 230 đôla/ tuần, nhưng qua điều tra cho thấy có 4% cử nhân nằm vào tốp “học vấn thấp” hoá ra ở Mỹ cũng có thể có bằng “chui”.

Chương trình giảng dạy ở nhiều trường và viện đại học vẫn còn hiện tượng ôm đồm, không có giá trị thực tiễn. Thời gian học quá dài. Nhiều chương trình chất lượng kém, triển vọng nhận được việc làm cho sinh viên tốt nghiệp trong một số lĩnh vực hạn chế. Do đó, nhiều người có bằng cấp vẫn không có việc làm (trong đó có một số ngành khoa học xã hội và nhân văn). Vì vậy, không lạ là ở nhiều thành phố lớn của Mỹ có những người lái tắc-xi ... có bằng Tiến sĩ.

Công nghệ thông tin là một thành quả có sự đóng góp quyết định của các Trường và Viện Đại học Mỹ, nhưng cuộc cách mạng này lại không được giáo dục Mỹ ứng dụng rộng rãi và nhanh chóng trong các chương trình giảng dạy và các hoạt động chính yếu của mình. Còn thua xa các hoạt động của doanh nghiệp. Mạng Internet và máy tính xách tay, máy tính để bàn đã cách mạng hoá việc lưu trữ và tiếp cận thông tin của giảng viên, sinh viên và bộ phận quản lý nhà trường, nhưng dù có hệ đại học từ xa, học qua thông tin thì cốt lõi vẫn là công nghệ giảng dạy tại gia. Nghĩa

là chưa có cái tiền gì ở khâu “sản xuất” để tạo ra “sản phẩm” như khoa học công nghệ đang tận dụng công nghệ thông tin.

Trong khi các “trường ảo” (Cyber School) đang tăng lên (năm 1993 có 93 trường, năm 1997 là 762 trường với hơn 1 triệu sinh viên. Các trường đại học cố định là 13 triệu sinh viên). Các “trường ảo” không cần địa điểm (trường, giảng đường, lớp...) các khoá học ngoài khuôn viên (Campus) cũng tăng lên, phần lớn những sinh viên các “trường ảo” là những người đã đi làm, lớn tuổi hơn sinh viên ở các trường cố định do đó sẽ có sự cạnh tranh gắt gao giữa các trường và viện đại học cố định với các “trường ảo” (đầu thế kỷ XXI đã có 200 Trường Đại học truyền thống phải đóng cửa vì ít sinh viên nộp đơn theo học) bởi mô hình các “trường ảo” có khả năng cung cấp cho sinh viên kỹ năng để dễ tìm việc làm nên nhiều người rẽ sang các trường này. Sinh viên các “trường ảo” tiết kiệm thời gian, không phải có mặt ở giảng đường, ở phòng thí nghiệm, chương trình học tập được cá nhân hoá phù hợp với điều kiện của từng sinh viên, thời khoá biểu linh hoạt. Sinh viên, chứ không phải thầy giáo là trung tâm của chương trình, lại tiết kiệm chi phí.

Thực tế các Trường và Viện Đại học Mỹ đang rất lúng túng trước hiện tượng này trong việc nâng cao chất lượng và quy mô của các cơ sở đào tạo “truyền thống” mà lâu nay vẫn tạo nên thành quả trong giáo dục của Mỹ.

Và nữa, các Trường và Viện Đại học Mỹ đã không lường trước được sự thay đổi về phát triển của xã hội đã tạo nên tâm lý và nhu cầu của sinh viên trước những yêu cầu của cuộc sống nên đã không kịp ứng phó với những thay đổi nhu cầu của sinh viên. Để rồi đến những năm đầu thế kỷ này mới thấy sự hẫng hụt trong kiến thức của họ. Những ngành học kỹ thuật và công nghệ, các trường chuyên nghiệp và dạy nghề hàng năm có số lượng sinh viên theo học rất lớn. Những ngành cơ bản, lịch sử, địa lý khảo cổ, dân tộc học, văn hoá học teo dần. Học sinh, sinh viên không được trang bị kiến thức nhân văn, đạo đức và mỹ học. Sinh viên chỉ được đào tạo kiến thức và kỹ năng trong chuyên ngành hẹp, nên khi vào đời không có khả năng thích nghi và ứng xử văn hoá. Một bác sĩ, một luật sư nếu biết đến Shakespeare, Home hay Doistoievsky thì sẽ chữa bệnh, hành nghề luật sư tốt hơn và cư xử với bệnh nhân với khách hàng của mình tốt hơn. Nhiều người tốt nghiệp đại học, thậm chí là cao hơn mà không biết các nhà văn Mỹ như Hemingway, W.Faulkner, T.Dreizer, E.O’neill, Whitman hay L.Tolstoi, Shekhop hay Anderxen, thậm chí nhiều sinh viên không biết tên các nước khác, thủ đô các nước và các nền văn hoá thế giới. Đào tạo ra nhiều sinh viên què quặt về kiến thức, nghèo nàn đời sống văn hoá tinh thần. Họ chỉ là những cái máy để thao tác trong nghề nghiệp. Là

những người dùng tiếng Anh, nên sinh viên Mỹ phần đông không biết ngoại ngữ. Chỉ có 15% sinh viên học tiếng nước ngoài. Họ quên rằng ngoại ngữ không chỉ để giao tiếp, thông tin mà còn là văn hoá của mỗi dân tộc. Không biết ngoại ngữ là không biết văn và tâm hồn của các dân tộc khác, chỉ nghèo nàn, cần cỗi, tâm hồn mình mà thôi.

---

### Tài liệu tham khảo

1. *Chronicle of Higher Education* (2000), Almanac ISSue. 47. Nr. 1
2. Frank H.T. Rhodes (1997) – *Ed. Successful Fund Raising For Higher Education. The Advancement of Learning* (Phoenix, Ariz. Oryx Press).
3. Lynn V. Cheney (1998). *Humanities in America*. Washington D.C. (National Endowment For the Humanities; NEH.636).
4. Amitai Etzioni (1994). *The Spirit of Community. The Reinvention of American Society*. N.V. Simon and Schuter.
5. Frank H.T. Rhodes (2009). *The Creation of the Future. The Role of American University. Tạo dựng tương lai – Bản dịch của Hoàng Kháng, Trần Văn Duy, Tô Diệu Lan* (Trong bài có sử dụng số liệu của tác phẩm này). Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
6. Jame Morrison (2006). *Giáo dục Đại học ở Mỹ trong thời kỳ chuyển biến*. Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay* số 12.
7. Douglas K. Stevenson (2008). *Cuộc sống và các thể chế ở Hoa Kỳ*. Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.